



Bài báo nghiên cứu

LÍ NIỆM GIÁO DỤC THỜI MINH TRỊ (1868-1912)

Trần Thị Thùy Trang

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thùy Trang – Email: trang@tokyo.email.ne.jp

Ngày nhận bài: 29-9-2019; ngày nhận bài sửa: 03-12-2019; ngày duyệt đăng: 20-12-2019

TÓM TẮT

Cải cách Minh Trị là một trong những cuộc cải cách mang tính lịch sử của Nhật Bản. Cuộc cải cách toàn diện từ trên xuống này đã đem đến sự phát triển vượt bậc cho Nhật Bản, giúp Nhật Bản thoát khỏi nguy cơ trở thành quốc gia thuộc địa phương Tây. Một trong những chuỗi cải cách quan trọng, giúp cho cục diện cải cách Minh Trị thành công là cải cách giáo dục. Bài viết này bàn về những chuyển đổi trong tư tưởng giáo dục cốt lõi, định hướng mục tiêu giáo dục mang tầm quốc gia thời Minh Trị (1868-1912). Bài viết sử dụng phương pháp lịch sử nhằm mục đích nghiên cứu sự chuyển biến của lí niệm giáo dục Nhật Bản trong sự vận động, thay đổi của xã hội thời Minh Trị. Ngoài ra, bài viết cũng chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa lí niệm giáo dục với chính sách – tổ chức – hạ tầng giáo dục. Mối quan hệ biện chứng này được cho là nguyên nhân chính dẫn đến hàng loạt các cuộc cải cách giáo dục trong suốt 47 năm thời Minh Trị mỗi khi có sự thay đổi trong lí niệm giáo dục.

Từ khóa: lí niệm giáo dục; tư tưởng giáo dục; Minh Trị Duy tân; cải cách giáo dục

1. Khái niệm “lí niệm giáo dục”

Theo từ điển Bách khoa quốc tế Britanica¹, “lí niệm” (理念) có nguồn gốc từ khái niệm “Idea” của triết gia Platon, có nghĩa là: *một tư tưởng cốt lõi, thuần khiết về một sự vật, hiện tượng*. Trong tác phẩm *Nguyên lí và vấn đề giáo dục*, tác giả Ozaki Mugen đã định nghĩa “lí niệm” và “lí niệm giáo dục” như sau:

Lí niệm (理念) là khái niệm quy định đối tượng của nhận thức giống như có thượng đế hay không và lí niệm yêu cầu nhận thức thống nhất một cách toàn vẹn. Hơn nữa, dựa vào những lí niệm này mà chúng ta vượt ra khỏi thế giới nhận thức, được dẫn dắt đến thế giới hành vi. Nhìn chung, trong thế giới giáo dục, từ lí niệm không được sử dụng một cách quá nghiêm ngặt như giải thích trên, nhưng nếu suy nghĩ dựa trên những diễn giải trên thì **lí niệm giáo dục (教育理念)** khác với **mục đích giáo dục (教育目的)** (nhắm đến sự “đạt thành” trên thực tế), ngược lại **nó chỉ đạo mục đích giáo dục**. (Ozaki Mugen, 2000, p.99)

Cite this article as: Tran Thi Thuy Trang (2020). Idea of education in the Meiji period (1868-1912). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(1), 14-22.

¹ Từ điển bách khoa quốc tế Britanica. Lí niệm (理念). <https://kotobank.jp/word/理念-149180>

Theo định nghĩa của Ozaki Mugen, “lí niệm giáo dục” và “mục đích giáo dục” có mối liên hệ với nhau. Lí niệm giáo dục chỉ đạo mục đích giáo dục. Lí niệm giáo dục thể hiện ra thành mục đích giáo dục, trong lí niệm đã có hướng tới mục đích, và lí niệm giáo dục là cái chung hơn, mục đích giáo dục là cái cụ thể hơn. Lí niệm giáo dục là cái còn tồn tại trong tư tưởng, trong khi đó, mục đích giáo dục mang tính thực tiễn, phải đạt được trong thực tế.

Ngoài ra, từ kết quả tra cứu dữ liệu của Viện quốc gia nghiên cứu ngôn ngữ Nhật Bản (National Institute for Japanese Language and Linguistics)², thuật ngữ “lí niệm” (理念) được sử dụng từ thời Minh Trị, sau khi Nhật Bản thực hiện chính sách mở cửa, chính thức tiếp thu văn minh phương Tây. Tác phẩm đầu tiên sử dụng từ “lí niệm” có nội dung về giáo dục, nhan đề “*社會の教育*” (*Giáo dục xã hội*). Tác phẩm do Yumoto Takehiko (湯本武比古) viết và được xuất bản năm 1895. Tài liệu tiếp theo có sử dụng từ này là *Luật giáo dục cơ bản* và sách giáo khoa quốc ngữ dành cho học sinh lớp 6 tiểu học, được Bộ Giáo dục Nhật Bản xuất bản năm 1947.

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy thuật ngữ “lí niệm giáo dục” (教育理念) trong *Luật Giáo dục cơ bản* (1947) và các tác phẩm mang tính lí luận về giáo dục của Nhật Bản được các dịch giả, nhà nghiên cứu Việt Nam dịch, diễn đạt thành “triết lí giáo dục”. Ví dụ cuốn *Đi tìm triết lí giáo dục Việt Nam* và *Giáo dục Việt Nam học được gì từ Nhật Bản* (Nguyễn Quốc Vương)... Cũng cần nói thêm, tiếng Nhật cũng có từ “triết lí” (哲理), tuy nhiên từ “triết lí”³ trong tiếng Nhật mang nghĩa gần giống với từ “đạo lí” (道理), nội hàm không đồng nhất với thuật ngữ “triết lí” trong tiếng Việt.

Ngoài ra, vì nội hàm của thuật ngữ “triết lí giáo dục” trong tiếng Việt cũng có nhiều cách hiểu khác nhau. Ví dụ: “Triết lí giáo dục là những quan điểm phản ánh những vấn đề của giáo dục thông qua con đường trải nghiệm từ cuộc sống để chỉ đạo suy nghĩ và hành động của con người về các vấn đề giáo dục” (Thai, 2007, p.10-11), hoặc “triết lí giáo dục là thực tế giáo dục đã được con người, cộng đồng, xã hội trải nghiệm – cái đã qua và nghiệm thấy, tức là đã cảm nhận, biết đến, hiểu ra, ý thức được – được đúc kết thành một giá trị, được biểu đạt trong câu ngắn gọn, ca dao, tục ngữ, cụm từ... nhằm truyền đạt, tiếp thu và thể hiện trong cuộc sống, mang lại một giá trị nhất định cho con người, cộng đồng,

² Viện quốc gia nghiên cứu ngôn ngữ Nhật Bản (kho dữ liệu chứa thông tin, nội dung các thư tịch cổ... chính thống được Viện quốc gia nghiên cứu ngôn ngữ Nhật tập hợp lại từ thời Edo cho đến những năm 1980. Trang thông tin này là kho dữ liệu đóng, người dùng cần phải đăng kí để được cấp phép sử dụng cho từng hạng mục cụ thể (ví dụ, tra lịch sử từ, tra thư tịch, tra phương ngữ...)

³ Theo Đại từ điển quốc ngữ Nhật Bản. <https://kotobank.jp/word/哲理576413>

xã hội, duy trì và làm nảy nở cái đúng, tốt, đẹp, ngăn ngừa, sửa chữa, loại trừ cái sai, ác, xấu” (Pham, 2013, p.36), hoặc “Triết lí giáo dục cho dù có được phát biểu thành câu chữ, được luật hoá một cách có chủ đích hay thể hiện tàng ẩn dưới nhiều dạng thức văn bản khác nhau thì nó vẫn gồm 2 thành tố chủ yếu: Thứ nhất là “hình ảnh xã hội tương lai” (xã hội mơ ước) mà nền giáo dục ấy muốn hướng tới. Triết lí giáo dục phải “gọi tên” được xã hội ấy và chỉ ra những đặc trưng cơ bản nhất của nó. Thứ hai là “hình ảnh con người mơ ước” mà nền giáo dục đó muốn tạo ra.” (Nguyen, 2017, p.34)

Từ những diễn giải trên về khái niệm của “lí niệm giáo dục” trong tiếng Nhật và “triết lí giáo dục” trong tiếng Việt, có thể thấy rằng “triết lí giáo dục” và “lí niệm giáo dục” khác nhau về cấp độ, triết lí giáo dục mang nghĩa rộng hơn, mang tính tư tưởng hơn, nhận thức hơn, trong khi đó “lí niệm giáo dục” cụ thể hơn, là cốt lõi dẫn đến hành động nên mang tính hành động, hiện thực hơn. Vì thế, chúng tôi cho rằng nên giữ nguyên cách đọc Hán – Việt “lí niệm giáo dục” để có thể hiểu đúng bản chất nội hàm của từ này.

2. Năm lí niệm giáo dục điển hình thời Minh Trị (1868-1912)

2.1. Lí niệm giáo dục theo chủ nghĩa cá nhân, thực học

Năm 1868, chính quyền tướng quân Tokugawa bị tan rã, chính quyền mới với trung tâm là Thiên hoàng ra đời. Minh Trị Duy tân mở ra thời kì cận đại của Nhật Bản. Chính quyền mới đã xóa bỏ chế độ giai cấp phân chia thân phận và chế độ phong kiến, đưa Nhật Bản chuyển sang quốc gia cận đại hóa. Chính phủ đề ra những khẩu hiệu như “Văn minh khai hóa” (文明開化), “Phú quốc cường binh” (富国強兵), “Thực sản hưng nghiệp” (殖産興業), lấy mô hình các nước Âu Mỹ để thiết lập xã hội cận đại.

Năm 1872, Nhật Bản công bố chính sách giáo dục có tính hệ thống đầu tiên là Học chế (学制). Tư tưởng cốt lõi để định hướng mục đích giáo dục giai đoạn này được thể hiện qua lời bạt của Học chế: “Giáo dục đề cao tính quan trọng của học vấn và sự độc lập, đặc biệt của mỗi cá nhân. Mỗi người phải tự lực xây dựng cuộc sống, suy tính con đường sinh kế, cống hiến cho công việc” (Tsujiya Masanori, 2017, p.184)

Bộ Giáo dục ban hành Học chế để điều chỉnh lại suy nghĩ của số đông dân chúng về học vấn. Học chế nhắm tới mục tiêu xây dựng và thực hiện kế hoạch để dân chúng được thụ hưởng học vấn một cách bình đẳng. Đây là quan điểm giáo dục mang đậm màu sắc chủ nghĩa cá nhân, thực học. Hơn nữa, Bộ Giáo dục trong thời điểm này không chỉ đơn giản tán dương chủ nghĩa cá nhân, mà nhắm đến mục tiêu sâu sắc nhất hơn, đó là duy trì độc lập quốc gia. Để duy trì độc lập quốc gia thì trước tiên cần phải giáo dục những cá thể độc lập, đặc sắc, là người trưởng thành bằng chính năng lực của mình, cống hiến cho sự phát triển của xã hội.

Để hiện thực hóa lí niệm giáo dục này, chính phủ mới đã thi hành nhiều chính sách giáo dục, thực hiện điều chỉnh lớn về hạ tầng cũng như tổ chức giáo dục. Chế độ trường học được cấu thành theo ba cấp bậc: tiểu học, trung học và đại học theo mô hình của Mỹ.

Mặt khác, ở phương diện hành chính giáo dục, Nhật Bản sử dụng mô hình của Pháp, phân chia các khu vực trường học (School districts) và quản lí theo kiểu chế độ trung ương tập quyền. Dựa trên nội dung Học chế, Nhật Bản lên kế hoạch thực hiện thiết lập các khu vực trường học như sau: toàn quốc chia làm 8 khu vực trường đại học, mỗi khu vực trường đại học sẽ chia làm 32 khu vực trường trung học, và mỗi khu vực trường trung học sẽ chia làm 210 trường tiểu học. Theo cách thiết lập này, toàn quốc sẽ có 8 trường đại học, 256 trường trung học và 50,000 trường tiểu học. Đây là một kế hoạch giáo dục đầy tham vọng và cực kì quy mô lúc bấy giờ.

Ở chính sách giáo dục, chính phủ dốc toàn lực vào việc phổ cập cấp sơ đẳng với mục đích nâng cao kiến thức nền tảng của đại đa số quần chúng, và việc chỉnh trang giáo dục cao đẳng để phổ cập học thức từ phương Tây, kĩ thuật. Để hiện thực hóa lí niệm giáo dục này, chính phủ Nhật Bản đã phải tốn lượng ngân sách khổng lồ. Cũng vì thế, chính quyền địa phương phải tự bỏ vốn để kiến thiết và vận hành các trường tiểu học, tiền học phí cũng phải trung thu.

Kế hoạch phát triển giáo dục dựa trên Học chế đầu thời kì Minh Trị là một tham vọng rất lớn, nhưng cho đến năm 1877, 5 năm sau khi ban hành Học chế, chỉ có Trường Đại học Tokyo được thành lập trên tổng số 8 trường theo kế hoạch, số lượng nhập học của trẻ em không cao như mong đợi.

2.2. Lí niệm giáo dục theo chủ nghĩa Nho giáo

Lúc bấy giờ, các phong trào vận động tự do dân quyền phát triển mạnh. Trong giới võ sĩ sẵn có bất bình về chính trị, dần dần thông qua chính trị nghị hội đã có ý định thay đổi sự nắm quyền chính trị của hai phái thuộc phiên Satsuma (薩摩藩) và Choshu (長州藩). Điều này đã làm Thiên Hoàng và Motoda Nagazane⁴ không hài lòng. Bên cạnh đó, để dập tắt sự vận động tự do dân quyền có thể gây ảnh hưởng lớn đến chính quyền, các thành viên trong ban lãnh đạo chính phủ mới (tiêu biểu là Ito Hirobumi – 伊藤博文) đã có nhiều thay đổi lớn trong quan điểm giáo dục. Vì lo sợ việc thực hiện chính sách giáo dục theo chủ nghĩa cá nhân sẽ làm bùng phát mạnh các cuộc vận động quyền tự do dân chủ, chính quyền mới đã chuyển chính sách giáo dục từ chủ nghĩa cá nhân, thực học sang chủ nghĩa Nho giáo.

Đến ngày 28 tháng 12 năm 1880, Pháp lệnh giáo dục cải chính (改正教育令) được ban hành. Lí niệm giáo dục vào giai đoạn này không còn là xây dựng những cá nhân độc lập mà là tư tưởng gắn liền với “**tôn vương ái quốc**”, **phụng sự Thiên hoàng, đất nước** (Tsujita Masanori, 2017, p.316).

⁴ Motoda Nagazane (元田 永孚) là võ sĩ phiên Kumamoto, nhà Nho học, có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng về giáo dục của Thiên Hoàng.

Các nội dung như thể chế phong kiến, sự thiêng liêng của Thiên hoàng Jimmu (hậu duệ trực tiếp Nữ thần mặt trời Amaterasu), sự cần cù của Thiên hoàng Nintoku (vị vua thứ hai triều đại Ojin nhà nước Yamato), sự thịnh suy của gia tộc Taira và Minamoto, sự tồn tại của Nam Bắc triều, sự lầy lùng trong chính trị của Tokugawa, Vương chính phục cổ... được đưa vào chương trình giảng dạy. Vì thế giáo dục thời kì này được cho là giáo dục nhuộm màu sắc Nho giáo, mang tính phục cổ.

2.3. Lí niệm giáo dục theo chủ nghĩa quốc gia

Năm 1885, thể chế chính trị triều đình cũ đã được thay đổi thành chế độ Nội các. Đây là cột mốc chính trị quan trọng từ sau Minh Trị Duy tân (1868) ảnh hưởng đến tiến trình mở rộng và phát triển giáo dục Nhật Bản. Ito Hirobumi được bầu làm Thủ tướng đầu tiên. Mori Arinori (森有礼), một chính khách đã có kinh nghiệm tại các cơ quan ngoại giao ở Mĩ, Anh... nhận chức Bộ trưởng Bộ Giáo dục đầu tiên ở thể chế mới.

Mori Arinori có tư tưởng tuyệt đối hóa vai trò của quốc gia, nhà nước. Mori đã nhiều lần thuyết giảng về tính quan trọng của Thiên hoàng, dựa trên mô hình các cường quốc phương Tây, để khơi gợi tinh thần chủ nghĩa quốc gia phải dựa vào biểu tượng Thiên Hoàng. Theo ông, Thiên Hoàng chính là “nguồn vốn độc đáo, báu vật vô song” (無二の資本至大の宝源). Chính vì thế, giáo dục dưới thời của Mori Arinori được cho là giáo dục theo chủ nghĩa quốc gia⁵. Ngoài ra, Mori đã đưa ra chủ trương rèn luyện thân thể gọi là “Binh thức thể thao” (兵式体操) vào chương trình học. Theo ông, cái để sinh ra chủ nghĩa dân tộc không phải là đức dục hoặc trí dục mà là thể dục mang tính đoàn thể. Có thể thấy đây là tư tưởng giáo dục độc đáo của Mori Arinori. Lí niệm giáo dục thời kì này gắn liền với mục tiêu **đào tạo ra những thân dân Nhật Bản có thể lực tốt, tôn sùng Thiên Hoàng, quốc gia** (Tsujita Masanori, 2017, p.327).

Đến thời điểm này, trường đại học duy nhất ở Nhật Bản là Đại học Tokyo được đổi tên là “Đại học Đế quốc”. Đại học Đế quốc được cấp đặc quyền tự do học vấn như một cơ quan giáo dục đào tạo các nhà lãnh đạo cấp cao, chuyên gia khoa học, là nhân lực cần thiết cho sự nghiệp cận đại hóa của đất nước. Trường trung học thực hiện việc giáo dục đào tạo dự bị trước khi vào học trường Đại học Đế quốc. Trường tiểu học chia thành hai giai đoạn: thông thường (尋常) và bậc cao (高等). Trường Sư phạm là một cơ quan chú trọng vào việc giảng dạy tư tưởng chủ nghĩa quốc gia một cách triệt để cho toàn bộ giáo viên trong tương lai. Bằng cách thức xây dựng chế độ giáo dục như thế, Mori Arinori đã cân đối hai

⁵ Chủ nghĩa quốc gia (hay còn gọi là chủ nghĩa dân tộc, stasisim) tuyệt đối hóa quốc gia trong xã hội loài người. Chủ nghĩa quốc gia khẳng định sự tồn tại của nhà nước. Ngoài ra, trong thời hiện đại, chủ nghĩa quốc gia phân đối mạnh mẽ các trào lưu như chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa vô chính phủ. (Theo từ điển Bách khoa toàn thư thế giới)

mục đích của giáo dục: một mặt cận đại hóa đất nước, mặt khác thống nhất tinh thần quốc dân bằng việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức quốc dân.

2.4. Lí niệm giáo dục theo chủ nghĩa quốc thể

Vào tháng 2 năm 1890, tại Hội nghị các tỉnh trưởng, các địa phương đã phản ánh giáo dục Nhật Bản từ sau khi ban hành Học chế đã quá thiên về giáo dục tri thức phương Tây, Nhật Bản cần phải đẩy mạnh việc giáo dục “tinh thần Nhật Bản”. Không chỉ dừng lại ở việc chủ trương nhấn mạnh vai trò hàng đầu của một quốc gia thống nhất, mà nâng thêm một bậc nữa, đó chính là khẳng định tính ưu việt của đất nước Nhật Bản, kích động sự sùng bái Thiên Hoàng một cách tuyệt đối. Nhật Bản đẩy mạnh giáo dục toàn dân theo đường hướng này nhằm dập tắt các phong trào đòi dân chủ hóa, duy trì nề nếp dân tộc theo phong cách Nhật Bản và nâng cao trị an xã hội. Đây là lí do dẫn đến sự ra đời của Sắc ngữ giáo dục (教育勅語). Chính vì thế, giáo dục giai đoạn này được cho là giáo dục theo chủ nghĩa quốc thể (国体主義).

Ngày 30 tháng 10 năm 1890, Sắc ngữ giáo dục được công bố. Lí niệm giáo dục thể hiện qua bản Sắc ngữ gắn liền với mục tiêu **xây dựng hình tượng người Nhật là quốc dân thời cận đại (thần dân (臣民)) phục tùng quốc gia có Thiên Hoàng đứng đầu** (Tsujita Masanori, 2017, p.492).

Sắc ngữ giáo dục đánh dấu mức độ quan trọng của mục đích thống nhất tinh thần quốc dân bằng việc đẩy mạnh đạo đức quốc dân. Sắc ngữ giáo dục được xây dựng dựa trên tư tưởng có trong điển tịch của Nhật Bản và từ giáo lí Nho giáo, để thiết lập ra những quy phạm về hành vi của nhân dân, và nhấn mạnh sự trung thành, lòng yêu nước đối với Thiên Hoàng.

Các bản sao của Sắc ngữ, hình chân dung Thiên Hoàng và Hoàng hậu được phân phát đến các trường để trưng bày. Trong các nghi thức mang tính quốc dân hoặc các buổi lễ của trường học, Sắc ngữ giáo dục được đọc cho tất cả học sinh thật trang nghiêm. Sách giáo khoa “Tu thân” (giáo dục đạo đức) được biên tập theo nguyên tắc đạo đức được thể hiện trong Sắc chỉ. Sắc chỉ giáo dục có sức ảnh hưởng rất lớn trong giáo dục và xã hội Nhật Bản suốt khoảng 50 năm cho đến sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Sắc ngữ giáo dục gồm ba nội dung chính: (1) nguồn gốc của đạo đức, (2) các tiêu chí đạo đức và (3) vị trí của sắc chỉ giáo dục. Về nguồn gốc của đạo đức, Sắc ngữ nêu rõ những ưu điểm trong đặc tính quốc gia Nhật Bản là các triều đại Thiên Hoàng, tổ tiên đã luôn coi trọng đạo đức, và khi thực hiện giáo dục quốc dân phải dựa trên những ưu điểm này (không phải là của Trung Quốc hay phương Tây). Sắc ngữ giáo dục nhấn mạnh có giá trị xuyên thời gian, không gian, vì thế thần dân (ngay cả Thiên Hoàng) cũng phải có trách nhiệm gìn giữ.

2.5. Lí niệm giáo dục theo chủ nghĩa thông tục

Tháng 9 năm 1905, Nhật Bản một lần nữa đổi đầu với chuyển biến chính trị mới. Sau khi dành thắng lợi trong cuộc chiến Nga – Nhật, kí được các hiệp ước có lợi cho Nhật Bản. Nhật Bản bước vào hàng ngũ những quốc gia đứng đầu thế giới, đạt được tâm nguyện từ sau Minh Trị Duy tân.

Chỉ trong vòng 20 năm sau khi thực hiện công nghiệp hóa (năm 1880), khối lượng sản xuất sợi bông trong nước vượt qua khối lượng nhập khẩu, các nhà máy sản xuất sắt, thép quốc hữu, tư hữu lần lượt ra đời, công nghệ đóng tàu đạt tiêu chuẩn thế giới. Năm 1905, Nhật Bản sở hữu đủ công nghệ và nhân lực để có thể chế tạo thành công hoàn chỉnh máy tiện theo kiểu Mĩ. Cũng trong năm này, gang đã được sản xuất thành công bằng lò cao, báo hiệu sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp nặng kéo theo như đóng tàu, thủy điện, nhiệt điện. Giới tư bản công nghiệp đã tích lũy được sức mạnh đáng kể, đã trở thành các tập đoàn tài phiệt lớn (Zaibatsu) (điển hình như Mitsui, Furukawa) dẫn đến sự tập trung cao độ trong tích lũy tư bản, đẩy mạnh phát triển kinh tế, sản xuất hàng hóa, xuất khẩu. Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp đã làm cho khoảng cách giàu nghèo càng mở rộng, sự thất vọng của nhân dân ngày càng tăng. Trong khi đó, chủ nghĩa xã hội đang được ưa chuộng. Điều này đã dẫn đến việc Nhật Bản đã thay đổi lí niệm giáo dục của quốc gia thông qua Mậu thân chiếu chỉ (戊申詔書).

Ngày 13 tháng 10 năm 1908, sau khi kết thúc chiến tranh Nga – Nhật, Mậu thân chiếu chỉ được công bố. Mục đích giáo dục được đề cập trong văn bản này nhấn mạnh tính quan trọng trong giao lưu quốc tế, tầm quan trọng của kinh tế sau chiến tranh, điều mà không có ghi trong Sắc chỉ giáo dục: **trên dưới hiệp nhất, lao động cần mẫn, xây dựng sinh kế vững vàng, tôn trọng chữ tín, xây dựng văn hóa đậm tình người chân phương, xem trọng thực chất, bỏ đi vẻ hào nhoáng bên ngoài; tránh lười biếng; nỗ lực hết sức không ngưng nghỉ** (Tsujita Masanori, 2017, p.804).

Tựu chung, Mậu thân chiếu chỉ khuyến khích sự cần mẫn trong công việc và trong cuộc sống hằng ngày để cống hiến cho sự nghiệp phát triển của đất nước. Trong giai đoạn này, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Komatsu Bara (小松原) đã tiến hành phục hưng Giáo dục xã hội (社会教育). Hình thức giáo dục này cho đến năm 1920 thời Taisho được gọi là Giáo dục thông tục (通俗教育), để tránh liên tưởng từ “xã hội” với “chủ nghĩa xã hội”.

Bên cạnh đó, Nhật Bản còn thực hiện công nghiệp hóa trong sản xuất. Các xí nghiệp tư nhân, đặc biệt là ngành công nghiệp nhẹ như sản xuất bông sợi phát triển thần tốc. Trong bối cảnh này, nhu cầu về giáo dục công nghiệp, nhu cầu được huấn luyện kĩ năng tiêu chuẩn của người lao động tăng cao.

Ngoài ra, sau thắng lợi trong chiến tranh Nga – Nhật (1904-1905) và chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), Nhật Bản thu được khối lượng tư bản lớn, thúc đẩy chủ

nghĩa tư bản của Nhật phát triển thần tốc. Nhu cầu giáo dục của quốc dân ngày càng tăng mạnh.

3. Kết luận

Lí niệm giáo dục theo chủ nghĩa thông tục đã khép lại thời Minh Trị với nhiều biến động lớn do hàng loạt các cuộc cải cách được thực hiện trên mọi bình diện ở giai đoạn này. Trong quá trình duy tân đất nước, không thể phủ định rằng nền giáo dục Nhật Bản đã chịu sự tác động, cũng như gây tác động đến các nhân tố khác như kinh tế, chính trị, xã hội, chính sách, tổ chức, hạ tầng cơ sở..., vì thế trong vòng 44 năm, lí niệm giáo dục thời Minh Trị đã trải qua năm lần thay đổi lớn, kéo theo hàng loạt thay đổi về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục... Ngoài ra, từ những thành tựu Nhật Bản đã đạt được tính đến cuối thời Minh Trị có thể thấy rằng, giáo dục thời Minh Trị đóng vai trò to lớn trong việc đưa Nhật Bản trở thành một quốc gia châu Á đối trọng với các quốc gia phát triển phương Tây. Và cũng không thể phủ nhận rằng, 44 năm cải cách thời Minh Trị là tiền đề để Nhật Bản có thể đi thêm một bước nữa trong chính sách giáo dục thời Đại Chính và (1912-1926) và thời Chiêu Hòa⁶ (1926-1945): Xây dựng nền giáo dục theo chủ nghĩa quân quốc, hiếu chiến dẫn đến Thế chiến lần thứ hai. Ngoài ra, hai trong năm lí niệm giáo dục thời Minh Trị – lí niệm giáo dục theo chủ nghĩa cá nhân, thực học và lí niệm theo chủ nghĩa thông tục đã được chính quyền mới thời hiện đại kế thừa và phát huy một cách hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc đưa Nhật Bản tiến lên con đường công nghiệp hóa – hiện đại hóa, vươn lên vị trí thứ hai thế giới sau Mỹ chỉ trong vòng 30 năm sau thất bại trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyen Quoc Vuong (2017). *Finding Vietnamese phylosophy of education [Di tim triet li giao duc Viet Nam]*. Hanoi: Tri thuc Publishing House.
- Ozaki Mugen (ed) (2000). *Principles and issues of education [Nguyen li va van de giao duc]*. Japan: Shouwado Publishing House.
- Pham Minh Hac (2013). *Phylosophy of the World and Vietnam [Triet li giao duc the gioi va Viet Nam]*. Hanoi: National Politics – The Truth Publising House.
- Thai Duy Tuyen (2017). *Vietnamese phylosophy of education [Triet hoc giao duc Viet Nam]*. Hanoi: University of Pegagody Press.

⁶ Thời Chiêu Hòa kéo dài 64 năm, từ thời cận đại 1926 qua đến thời hiện đại 1989. Sau năm 1945, Nhật Bản bước vào thời hiện đại.

Tsujita Masanori (2017). *Research Ministry of Education – 150 years towards the idea of Japanese symbol* [Nghiên cứu Bộ Giáo dục – 150 năm hướng tới người Nhật Bản lý tưởng]. Japan: Bungeishunjun Publishing House.

The International Britannica Dictionary. Ideology [Li niem (理念)]. <https://kotobank.jp/word/理念-149180>

The Japanese National Linguistics Dictionary. Philosophy [Triet li (哲理)]. <https://kotobank.jp/word/哲理-576413>

IDEA OF EDUCATION IN THE MEIJI PERIOD (1868-1912)

Tran Thi Thuy Trang

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University – Ho Chi Minh City

Corresponding author: Tran Thi Thuy Trang – Email: trang@tokyo.email.ne.jp

Received: September 29, 2019; Revised: December 03, 2019; Accepted: December 20, 2019

ABSTRACT

The Meiji Reform is one of the historical innovation in Japan. Japan has experienced a significant progress since this comprehensive top-down reform, and this successful result saved Japan from the risk of becoming Western colony. One of the important reform which has brought the success to the Meiji Reform was the educational reform. This article discusses the changes in the core ideology of education, which had been orienting the national goal of education during the Meiji period (1868-1912). The article uses the historical approach in other to research the transformation of Japanese education ideology following by the movement of society in the Meiji period. In addition, this article also points out the dialectical relationship between the philosophy of education and the policies – organizations – infrastructure of education. This dialectical relationship is believed to be a major reason leading to a variety of educational reforms whenever the ideology of education had been changed during over forth decades of Meiji era.

Keywords: Idea of education; educational ideology; Meiji Reform; educational reform